

Số: 36 /BC-UBND

Cù Lao Dung, ngày 27 tháng 02 năm 2019

SỞ NỘI VỤ TỈNH SÓC TRĂNG	
ĐẾN	Số: 2198
	Ngày: 04/3/2019
Chuyển:	
Lưu hồ sơ số:	

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính quý I và phương hướng nhiệm vụ quý II năm 2019

Thực hiện Kế hoạch số 128/KH-UBND ngày 26/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2019, Ủy ban nhân dân huyện Cù Lao Dung báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính (CCHC) quý I và phương hướng, nhiệm vụ quý II năm 2019 như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUÝ I

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Trên cơ sở các kế hoạch của UBND tỉnh, UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 23/01/2019 của về thực hiện công tác CCHC năm 2019 và 12 văn bản chỉ đạo khác có liên quan đến công tác CCHC. Giao Phòng Nội vụ làm đầu mối tham mưu UBND huyện triển khai thực hiện kế hoạch.

2. Cải cách thể chế

a) Công tác xây dựng và ban hành VBQPPL:

Công tác xây dựng và ban hành VBQPPL được UBND dân huyện chú trọng phải đảm bảo tính hợp lý, hợp pháp. Trong quý I, UBND huyện không có xây dựng và ban hành VBQPPL.

b) Công tác kiểm tra, rà soát VBQPPL:

Căn cứ vào Kế hoạch của UBND tỉnh và tình hình thực tế tại địa phương UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 18/01/2019 về kiểm tra, rà soát VBQPPL trên địa bàn huyện Cù Lao Dung năm 2019.

Trong quý I, UBND huyện không có VBQPPL tự kiểm tra, và kiểm tra theo thẩm quyền.

3. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC):

- Năm 2018 UBND huyện đã thực hiện rà soát đơn giản hóa 03 TTHC đạt 100% so với Kế hoạch đề ra. Năm 2019 UBND huyện đang triển khai rà soát 02 TTHC (Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài; Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đột xuất) theo Kế hoạch.

- Tiếp tục thực hiện Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và các quy định của nhà nước có liên quan, UBND huyện thường xuyên công khai và cập nhật đúng, đầy đủ, kịp thời 267 thủ tục hành chính cấp huyện và đang có hiệu lực thi hành trên Trang thông tin điện tử của huyện và tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

- Quý I năm 2019, huyện chưa nhận được thư phản ánh của tổ chức, cá nhân về thủ tục hành chính, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức.

4. Cải cách tổ chức bộ máy:

100% phòng ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc thực hiện chức năng, nhiệm vụ và sắp xếp cơ cấu tổ chức theo quy định.

Căn cứ số lượng biên chế công chức của UBND tỉnh giao, UBND huyện đã quyết định phân bổ 87 biên chế công chức và 12 chỉ tiêu hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP cho 12 phòng chuyên môn, đến nay đã thực hiện đủ theo số lượng phân bổ, không tăng so với số chỉ tiêu UBND tỉnh phân bổ.

5. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức:

Nhằm chuẩn hóa và nâng cao trình độ chuyên môn theo vị trí công tác, UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 22/02/2019 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện năm 2019. Theo kế hoạch sẽ đào tạo, bồi dưỡng 100 lượt cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện và cấp xã.

Thực hiện quy định của nhà nước về định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức, UBND huyện ban hành Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 22/02/2019, dự kiến chuyển đổi vị trí công tác đối với 07 công chức, viên chức cấp huyện và cấp xã đủ điều kiện tiêu chuẩn.

6. Cải cách tài chính công

a) Kết quả triển khai thực hiện quy định về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và UBND các xã, thị trấn:

- Tiếp tục triển khai thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ và Nghị định 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 130/2005/NĐ-CP, UBND huyện giao kinh phí chi quản lý hành chính và triển khai thực hiện quy định về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí đối với 12 đơn vị cấp huyện và UBND 08 xã, thị trấn. Thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ, huyện có 37 đơn vị sự nghiệp công lập được ngân sách Nhà nước đảm bảo toàn bộ nguồn kinh phí.

- Các cơ quan, đơn vị đang thực hiện việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, lập dự toán thu, chi ngân sách theo quy định; thực hiện công khai tài chính gắn với thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở và đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc quản lý, sử dụng kinh phí được giao.

b) Kết quả rà soát các loại phí, lệ phí và các khoản đóng góp của nhân dân:

UBND huyện tiếp tục triển khai thực hiện các quy định tại Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp; Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Nghị quyết số 92/2016/NQ-HĐND

ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh Sóc Trăng.

Các ngành chức năng phối hợp triển khai thực hiện tốt công tác thu các loại phí, lệ phí và các khoản đóng góp trên địa bàn huyện theo đúng quy định; ngành thuế thực hiện CCHC trong quản lý thu Lệ phí trước bạ, công khai mức giá tính thu đối với các loại phương tiện ô tô, xe gắn máy, tàu thuyền; công khai mức giá nhà tối thiểu để tính Lệ phí trước bạ và tỷ lệ,...; các ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông nên các quy trình, thủ tục, phí, lệ phí đều được niêm yết công khai để người dân thuận tiện theo dõi, không có hiện tượng phí chồng phí. Trong quý, Phòng Tài chính - Kế hoạch đã cấp 44 quyển lại cho các đơn vị; đồng thời, quyết toán lại năm 2018 cho 04 đơn vị (UBND thị trấn Cù Lao Dung và UBND các xã: An Thạnh 2, An Thạnh Tây, An Thạnh Đông).

7. Hiện đại hoá nền hành chính

7.1. Tình hình ứng dụng CNTT trong hoạt động của đơn vị

UBND huyện ban hành Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính Nhà nước năm 2019, đôn đốc các cơ quan, đơn vị rà soát, cải tiến quy trình quản lý văn bản đi, đến; các công việc chỉ đạo điều hành của lãnh đạo; thực hiện tốt việc sử dụng, trao đổi thư điện tử, văn bản điện tử theo quy định của UBND tỉnh; chỉ đạo các cơ quan ban ngành thực hiện nghiêm túc ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin tại địa phương theo kế hoạch đề ra.

7.2. Áp dụng ISO trong hoạt động

- UBND huyện ban hành mục tiêu chất lượng và kế hoạch mục tiêu chất lượng năm 2019. Chỉ đạo các đơn vị báo cáo tình hình thực hiện mục tiêu chất lượng năm 2018 và xây dựng mục tiêu chất lượng năm 2019 Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 tại 12 cơ quan hành chính và UBND các xã, thị trấn.

8. Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

a) Bộ phận một cửa:

Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính ổn định theo Quyết định số 1896/QĐ-UBND, ngày 28/9/2018 của Chủ tịch UBND huyện và hoạt động theo quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 1895/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của Chủ tịch UBND huyện; các thành viên Bộ phận một cửa điện tử được hưởng chế độ phụ cấp theo Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 03/3/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Bộ phận Một cửa tiếp tục khảo sát ý kiến khách hàng, kết quả có 100% ý kiến hài lòng về thái độ của cán bộ, công chức; 100% ý kiến hài lòng về thời gian giải quyết, chất lượng xử lý hồ sơ; không có ý kiến không hài lòng.

b) Kết quả tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả hồ sơ hành chính:

Trong quý I năm 2019, Bộ phận tiếp nhận hồ sơ hành chính cấp huyện, xã tiếp tục thực hiện tốt cơ chế một cửa và một cửa liên thông trong giải quyết

TTHC cho nhân dân. Từ đầu năm đến nay cấp huyện đã tiếp nhận và giải quyết 590 hồ sơ hành chính, trong đó: Giải quyết trước hạn 581 hồ sơ, 9 hồ sơ trong hạn đang giải quyết, không có hồ sơ trễ hạn; cấp xã tiếp nhận 8616 hồ sơ, đã giải quyết 8607 hồ sơ, còn 09 hồ sơ trong hạn đang giải quyết, 100% hồ sơ giải quyết và trả kết quả đúng và trước hạn, không có hồ sơ trễ hạn.

9. Công tác tuyên truyền về CCHC

UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 26/02/2018 về tuyên truyền công tác CCHC năm 2019 và triển khai đến tất cả các cơ quan, đơn vị thực hiện.

10. Thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/09/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 10/CT-CTUBND ngày 28/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng

UBND huyện tiếp tục quán triệt và yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị huyện và UBND các xã, thị trấn thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/09/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 10/CT-CTUBND, ngày 28/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao ý thức trách nhiệm và chất lượng phục vụ trong hoạt động công vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

Nhằm chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức, UBND huyện ban hành Quyết định số 96/QĐ-UBND ngày 23/01/2019 về thành lập đoàn kiểm tra công vụ huyện và ban hành Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 12/02/2019 về ban hành quy chế hoạt động của đoàn kiểm tra công vụ huyện Cù Lao Dung.

11. Thực hiện phân cấp quản lý

Các cơ quan chuyên môn tiếp tục tham mưu UBND huyện thực hiện tốt các nhiệm vụ được UBND tỉnh phân cấp quản lý (về tổ chức bộ máy, biên chế, đất đai, giao thông, ngân sách).

UBND huyện đã lồng ghép kiểm tra phân cấp quản lý nhà nước về tổ chức bộ máy, biên chế trong Kế hoạch kiểm tra CCHC và lồng ghép kiểm tra phân cấp quản lý nhà nước về giao thông, xây dựng, ngân sách, đất đai trong Kế hoạch kiểm tra thi hành pháp luật năm 2019.

II. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ QUÝ II:

- UBND huyện tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch CCHC của UBND tỉnh, huyện; rà soát, đề nghị điều chỉnh các quy định, các TTHC không còn phù hợp; tiếp nhận và xử lý kịp thời kiến nghị của các tổ chức cá nhân liên quan đến TTHC thuộc lĩnh vực quản lý.

- Cùng cố tổ chức và hoạt động của Bộ phận một cửa cấp huyện, cấp xã đảm bảo đúng quy định và cải tiến quy trình, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính cho nhân dân.

- Tổ chức kiểm tra CCHC và kiểm tra công vụ theo kế hoạch.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của Cổng thông tin điện tử, Trang Một cửa điện tử và phần mềm quản lý văn bản huyện.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện CCHC quý I và phương hướng, nhiệm vụ quý II năm 2019 trên địa bàn huyện, Ủy ban nhân dân huyện Cù Lao Dung báo cáo Sở Nội vụ biết, tổng hợp./.

Nơi nhận *MW*
- Sở Nội vụ;
- Phòng Nội vụ;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Kí. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Minh Dương



Biểu mẫu 1B

Thống kê số liệu về công tác kiểm tra thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính
(Ban hành kèm theo **Báo cáo số 36/BC** UBND ngày 27/02/2019 của UBND huyện Củ Lao Dung)

STT	Nội dung thống kê[1]	Số đơn vị kiểm tra tổng số cơ quan, đơn vị		Số vấn đề đã phát hiện qua kiểm tra	Số vấn đề phát hiện đã được xử lý	Số vấn đề chưa xử lý xong từ kỳ trước đã được xử lý
		Phòng ban	UBND cấp xã			
1	Kiểm tra công tác CCHC	0	0	0	0	0
2	Kiểm tra về thực hiện nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước	0	0	0	0	
3	Kiểm tra thực hiện việc áp dụng Hệ thống chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001: 2008	0	0	0	0	
4	Kiểm tra việc theo dõi thi hành pháp luật và xử lý vi phạm hành chính	0	0	0	0	
5	Kiểm tra một số nội dung khác (theo dõi thi hành pháp luật,...)	0	0	0	0	

[1] Từng nội dung kiểm tra, đơn vị phải đánh giá sơ bộ kết quả kiểm tra gồm mặt được, chưa được, đồng thời gửi kèm kế hoạch, báo cáo. Nội dung đánh giá sẽ nêu tại phần ghi chú này.

Ghi chú: Việc kiểm tra phân cấp quản lý đối với UBND cấp xã được UBND huyện thực hiện bằng cách lồng ghép vào nội dung kiểm tra CCHC và kiểm tra theo dõi thi hành pháp luật và xử lý vi phạm hành chính năm 2019.



Điều mẫu 3B

Thông kê số liệu về công tác kiểm soát TTHC tại các đơn vị, địa phương

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 36/BC-UBND ngày 27/02/2019 của UBND huyện Cù Lao Dung)

STT	Nội dung thông kê	Số liệu thông kê	Ghi chú
1	Kế hoạch rà soát TTHC	Có	Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 18/01/2019 của UBND huyện
2	Số lượng TTHC đã công khai tại Bảng niêm yết TTHC[1]	379	
3	Số lượng TTHC đã đăng tải công khai trên Trang thông tin/Trang một cửa điện tử[2]	379	
4	Có thực hiện niêm yết địa chỉ tiếp nhận PAKN	Không	
5	Số lượng ý kiến đã tiếp nhận	/	
6	Số lượng ý kiến đã giải quyết	/	

[1] UBND cấp huyện báo cụ thể số lượng TTHC đã công khai tại Bảng niêm yết TTHC của cấp huyện và từng xã, phường, thị trấn

[2] UBND cấp huyện báo cụ thể số lượng TTHC đã đăng tải công khai của cấp huyện và từng xã, phường, thị trấn

Biểu mẫu 4B

**Thống kê số liệu về số lượng TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết
của từng cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện và UBND cấp xã**

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 36 /BC-UBND ngày 27/02/2019 của UBND huyện Cù Lao Dung)

STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang[1]	Số TTHC liên thông dọc[2]	
I	TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của UBND cấp huyện	267	267	267	0	267	0	0	0	
	1. Văn phòng HĐND và UBND huyện	0	0	0		0	0	0		
	2. Phòng Nội vụ	35	35	35		35	0	0		
1	Lĩnh vực thi đua khen thưởng	8	8	8		8				
2	Lĩnh vực tổ chức-biên chế	3	3	3		3				
3	Lĩnh vực tổ chức phi chính phủ	16	16	16		16				
4	Lĩnh vực tôn giáo	8	8	8		8				
	3. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	19	19	19		19	0			
5	Lĩnh vực lao động tiền lương, quan hệ lao động	2	2	2		2				
6	Lĩnh vực người có công	5	5	5		5				
7	Lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội	3	3	3		3				
8	Lĩnh vực bảo trợ xã hội	9	9	9		9				
	4. Phòng Tài chính - Kế hoạch	40	40	40		40	0	0		
9	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	5	5	5		5				
10	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hợp tác xã	19	19	19		19				
11	Lĩnh vực giá	1	1	1		1				
12	Lĩnh vực quản lý tài sản nhà nước	5	5	5		5				
13	Lĩnh vực quản lý công sản	2	2	2		2				
14	Lĩnh vực đấu thầu	4	4	4		4				
15	Lĩnh vực kế toán, kiểm toán	4	4	4		4				
	5. Phòng Tài nguyên và Môi trường	17	17	17		17				
16	Lĩnh vực môi trường	2	2	2		2				
17	Lĩnh vực đất đai	15	15	15		15				



STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang[1]	Số TTHC liên thông dọc[2]	
	6. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	3	3	3		3	0	0		
18	Lĩnh vực nông nghiệp	3	3	3		3				
	7. Phòng Giáo dục và Đào tạo	36	36	36		36				
20	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo	36	36	36		36				
	8. Phòng Văn hoá và Thông tin	18	18	18		18	0	0		
21	Lĩnh vực Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử	5	5	5		5				
22	Lĩnh vực xuất bản, In và Phát hành	2	2	2		2				
23	Lĩnh vực thư viện	1	1	1		1				
24	Lĩnh vực văn hóa quần chúng, văn hóa dân tộc và tuyên truyền cổ động	4	4	4		4				
25	Lĩnh vực gia đình	6	6	6		6				
	9. Phòng Tư pháp	32	32	32		32	0	0		
26	Lĩnh vực chứng thực	12	12	12		12				
27	Lĩnh vực hộ tịch	16	16	16		16				
28	Lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật	2	2	2		2				
29	Lĩnh vực bồi thường nhà nước:	2	2	2		2				
	10. Phòng Kinh tế và Hạ tầng	49	49	49		49	0	0		
30	Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước	12	12	12		12				
31	Lĩnh vực đường thủy nội địa	9	9	9		9				
32	Lĩnh vực đường bộ	2	2	2		2				
33	Lĩnh vực xây dựng	1	1	1		1				
34	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao	1	1	1		1				
35	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đô thị	1	1	1		1				
36	Lĩnh vực quản lý hoạt động xây dựng	3	3	3		3				
37	Lĩnh vực quy hoạch xây dựng	16	16	16		16				
38	Lĩnh vực quy hoạch kiến trúc	1	1	1		1				
39	Lĩnh vực Kinh doanh khí (khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG))	3	3	3		3				

STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang[1]	Số TTHC liên thông dọc[2]	
	11. Phòng Y tế	2	2	2		2				
40	Lĩnh vực an toàn thực phẩm và dinh dưỡng	2	2	2		2				
	12. Thanh tra huyện	10	10	10		10	0	0		
41	Lĩnh vực giải quyết khiếu nại	2	2	2		2				
42	Lĩnh vực giải quyết tố cáo	1	1	1		1				
43	Lĩnh vực Tiếp công dân	1	1	1		1				
44	Lĩnh vực xử lý đơn	1	1	1		1				
45	Lĩnh vực phòng chống tham nhũng	5	5	5		5				
	13. Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	6	6	6		6				
46	Lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm	6	6	6		6				
II	TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã[3]	112	112	112	0	110	2	1	1	0
1	Lĩnh vực Tôn giáo	10	10	10		10				
2	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội	8	8	8		8				
3	Lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội	4	4	4		4				
4	Lĩnh vực Phổ biến giáo dục pháp luật	2	2	2		2				
5	Lĩnh vực Hộ tịch	19	19	19		17	2	1	1	
6	Lĩnh vực Con nuôi	2	2	2		2				
7	Lĩnh vực Chứng thực	11	11	11		11				
8	Lĩnh vực Giải quyết khiếu nại	1	1	1		1				
9	Lĩnh vực Giải quyết tố cáo	1	1	1		1				
10	Lĩnh vực Tiếp công dân	1	1	1		1				
11	Lĩnh vực Xử lý đơn thư	1	1	1		1				
12	Lĩnh vực Phòng chống tham nhũng	5	5	5		5				
13	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo	5	5	5		5				
14	Lĩnh vực Văn hóa cơ sở	1	1	1		1				
15	Lĩnh vực Thư viện	1	1	1		1				
16	Lĩnh vực Thể dục Thể thao	1	1	1		1				
17	Lĩnh vực Môi trường	6	6	6		6				
18	Lĩnh vực Thi đua khen thưởng	5	5	5		5				



STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang[1]	Số TTHC liên thông dọc[2]	
19	Lĩnh vực Dân số và Kế hoạch hóa gia đình	1	1	1		1				
20	Lĩnh vực Đất đai	1	1	1		1				
21	Lĩnh vực đường thủy nội địa	9	9	9		9				
22	Lĩnh vực Người có công	6	6	6		6				
23	Lĩnh vực Dân tộc	3	3	3		3				
24	Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật đô thị	1	1	1		1				
25	Lĩnh vực Phát triển công nghiệp và thương mại địa phương	1	1	1		1				
26	Lĩnh vực Hành chính tư pháp	1	1	1		1				
27	Lĩnh vực Trồng trọt	1	1	1		1				
28	Lĩnh vực Bảo vệ thực vật	1	1	1		1				
29	Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn	1	1	1		1				
30	Lĩnh vực Bồi thường nhà nước	1	1	1		1				
31	Lĩnh vực Chính sách	1	1	1		1				
	Tổng số = (I) + (II)	379	379	379	0	377	2	1	1	0

[1] Liên thông giữa các cơ quan hành chính cùng cấp trong giải quyết TTHC.

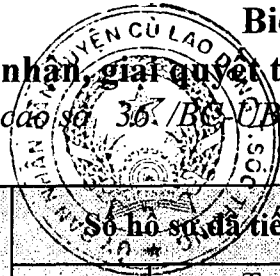
[2] Liên thông giữa các cấp hành chính khác nhau trong giải quyết TTHC.

[3] UBND cấp huyện báo cáo cụ thể từng xã, phường, thị trấn thuộc quyền quản lý

Biểu mẫu 5B

Thông kê kết quả tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 367/BG-UBND ngày 27/02/2019 của UBND huyện Cù Lao Dung)



STT	Cơ quan tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC	Số hồ sơ đã tiếp nhận			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
			Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng hạn	Trả quá hạn[1]	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn[2]	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)=(7)+(8)	(7)	(8)	(9)=(10)+(11)	(10)	(11)	(12)
I	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện	590		590	581	581	0	9	9	0	0
	1. Văn phòng HĐND và UBND huyện	0			0			0			
	2. Phòng Nội vụ	0			0			0			
1	Lĩnh vực thi đua khen thưởng	0			0			0			
	3. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	0			0			0			
8	Lĩnh vực bảo trợ xã hội	0			0			0			
	4. Phòng Tài chính - Kế hoạch	0			0			0			
9	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	28		28	28	28		0			
10	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hợp tác xã	0			0			0			
	5. Phòng Tài nguyên và Môi trường	0			0			0			
16	Lĩnh vực môi trường	4		4	4	4		0			
17	Lĩnh vực đất đai	130		130	121	121		9	9		
	6. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông th	0			0			0			
	7. Phòng Giáo dục và Đào tạo	0			0			0			
20	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo	0			0			0			
	8. Phòng Văn hoá và Thông tin	0			0			0			
	9. Phòng Tư pháp	0			0			0			
26	Lĩnh vực chứng thực	267		267	267	267		0			
27	Lĩnh vực hộ tịch	21		21	21	21		0			
	10. Phòng Kinh tế và Hạ tầng	0			0			0			
30	Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước	0			0			0			

STT	Cơ quan tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC	Số hồ sơ đã tiếp nhận			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
			Số kỳ trước chuyên qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng hạn	Trả quá hạn[1]	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn[2]	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)=(7)+(8)	(7)	(8)	(9)=(10)+(11)	(10)	(11)	(12)
31	Lĩnh vực đường thủy nội địa	0			0			0			
33	Lĩnh vực xây dựng	3		3	3	3		0			
37	Lĩnh vực quy hoạch xây dựng	0			0			0			
	11. Phòng Y tế	0			0			0			
	12. Thanh tra huyện	0			0			0			
41	Lĩnh vực giải quyết khiếu nại	0			0			0			
42	Lĩnh vực giải quyết tố cáo	0			0			0			
	13. Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	137		137	137	137		0			
46	Lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm	0			0			0			
II	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã[3/]	8003		8003	8003	8003	0	0	0	0	0
1	UBND xã An Thạnh 1	632		632	632	632		0			
2	UBND xã An Thạnh 2	917		917	917	917		0			
3	UBND xã An Thạnh 3	1559		1559	1559	1559		0			
4	UBND xã An Thạnh Đông	1715		1715	1715	1715		0			
5	UBND xã An Thạnh Tây	531		531	531	531		0			
6	UBND xã An Thạnh Nam	572		572	572	572		0			
7	UBND xã Đại Ân 1	1055		1055	1055	1055		0			
8	UBND thị trấn Cù Lao Dung	1022	0	1022	1022	1022		0			
Tổng số = (I) + (II)		8593	0	8593	8584	8584	0	9	9	0	0

[1] Nêu rõ tại đây tên, lĩnh vực TTHC giải quyết trễ hạn và nguyên nhân trễ hạn

[2] Nêu rõ tại đây tên, lĩnh vực TTHC giải quyết trễ hạn và nguyên nhân trễ hạn

[3] UBND cấp huyện báo cáo cụ thể từng xã, phường, thị trấn thuộc quyền quản lý



Biểu mẫu 6B

Thống kê số liệu về tổ chức bộ máy, biên chế hành chính tại sở ban ngành, UBND cấp huyện

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 36/BC-UBND ngày 27/02/2019 của UBND huyện Củ Lao Dung)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng phòng chuyên môn/đơn vị trực thuộc[1]		Số lượng lãnh đạo cấp sở/UBND cấp huyện				Số lượng lãnh đạo cấp phòng và tương đương/UBND cấp xã				Số lượng biên chế hành chính		Thực hiện tinh giản biên chế		Ghi chú
		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại[2]		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại[3]		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Số lượng theo Kế hoạch năm	Đã tinh giản	
						Đủ chuẩn	Thiếu chuẩn[4]			Đủ chuẩn	Thiếu chuẩn[5]					
I	UBND cấp huyện	12	0	3	0			30	+1	1		87	-1	23	11	
II	UBND cấp xã[6]	8						23				169	-3	3	3	
Tổng số = (I) + (II)		20	0	3	0	0	0	53	+1	1	0	256	-4	26	14	0

[1] Nêu lý do tăng, giảm (do sáp xếp, thành lập mới, giải thể,...)

[2] Thống kê chi tiết tại đây bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm mới, bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm lại

[3] Thống kê chi tiết tại đây bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm mới, bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm lại

[4] Nêu rõ thiếu chuẩn nào

[5] Nêu rõ thiếu chuẩn nào

[6] UBND cấp huyện báo cáo cụ thể từng xã, phường, thị trấn thuộc quyền quản lý

Biểu mẫu 7B
Thông kê số liệu về CBCCVC tại từng đơn vị huyện và UBND cấp xã
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 36 /BC-UBND ngày 27/02/2019 của UBND huyện Cù Lao Dung)

Stt	Cơ quan, đơn vị	Số CBCCVC hiện có mặt		Số đạt chuẩn theo tiêu chuẩn chức danh, VTVL	Số lượng [1] CBCCVC được đào tạo, bồi dưỡng			Định kỳ chuyển đổi vị trí công tác		Tuyển dụng			Tình hình xử lý kỷ luật CBCCVC		Điều động, chuyển công tác CB, CC, VC[2]	Năng lượng theo thẩm quyền	
		Biên chế	HD chuyên môn		Đào tạo[3]	Bồi dưỡng nghiệp vụ[4]	Có KH ĐT BD	Chỉ tiêu chuyển đổi theo quy định	Kết quả thực hiện	Có KH tuyển dụng	Kết quả tuyển dụng[5]	Không qua thi/tuyển đặc cách	Mức khiển trách	Từ mức cảnh cáo trở lên[6]		TX [7]	TH [8]
I	UBND cấp huyện	981		981	2	0	74	3	0	0	0	0	0	0	4	154	
II	UBND cấp xã[9]	169		169	0	0	26	4	0	0	0	0	1	0	0	9	1
1	UBND xã An Thạnh 1	20		20												1	
2	UBND xã An Thạnh 2	19		19									1			0	
3	UBND xã An Thạnh 3	23		23												1	
4	UBND xã An Thạnh Đông	21		21												1	1
5	UBND xã An Thạnh Tây	20		20												0	
6	UBND xã An Thạnh Nam	24		24												1	
7	UBND xã Đại Ân 1	23		23												2	
8	UBND thị trấn Cù Lao Dung	19		19												3	

[1] Thống kê số lượng, không thống kê số lượt được đào tạo, bồi dưỡng

[2] Thống kê chi tiết tại đây

[3] Thống kê rõ tại đây có bao nhiêu CBCCVC được cử học tiến sĩ, thạc sĩ, CK1, CK2, đại học,...

[4] Thống kê rõ tại đây có bao nhiêu CBCCVC tham gia bồi dưỡng theo từng chuyên đề

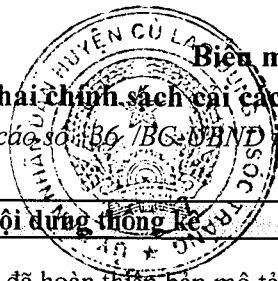
[5] Thống kê đơn vị chấp hành quy định về tuyển dụng CC, VC/tổng số đơn vị thực hiện tuyển dụng

[6] Thống kê rõ tại đây bao nhiêu CBCCVC bị xử lý kỷ luật ở từng mức độ

[7] Thường xuyên

[8] Trước hạn

[9] UBND cấp huyện báo cáo cụ thể từng xã, phường, thị trấn thuộc quyền quản lý



Biên mẫu 8B

Thông kê số liệu về triển khai chính sách cải cách công chức, công vụ tại các đơn vị, địa phương
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 186/BG-UBND ngày 27/02/2019 của UBND huyện Cù Lao Dung)

STT	Nội dung thông kê	Số lượng	Ghi chú
1	Số cơ quan hành chính đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của công chức	12	
2	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự (chưa tự chủ) đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	38	
3	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã phê duyệt danh mục vị trí việc làm của viên chức	1	
4	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	1	
5	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	1	



Biểu mẫu 9B
Thống kê số liệu về tài chính công tại UBND huyện

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 36/BC-UBND ngày 27/02/2019 của UBND huyện Cù Lao Dung)

STT	Nội dung thống kê	Số lượng đơn vị		Ghi chú
		Tổng số	Tăng (+)/ giảm (-) so với năm trước	
1	Số cơ quan hành chính thuộc và trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý kinh phí hành chính	12	0	
2	Về số lượng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ.	38	0	
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	1	0	
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên	0	0	
-	Số đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	0	0	
-	Số đơn vị được nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	37	0	



Biểu mẫu 11B

Thông kê số liệu về kết quả triển khai dịch vụ bưu chính công ích tại các đơn vị, địa phương
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 36/BC-UBND ngày 27/02/2019 của UBND huyện Cù Lao Dung)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng TTHC đã công bố triển khai dịch vụ BCCI	Số lượng TTHC có phát sinh sử dụng dịch vụ BCCI trong kỳ báo cáo		Ghi chú
			Số TTHC tiếp nhận	Số TTHC trả kết quả	
I	UBND cấp huyện	10	0	0	
II	UBND cấp xã[1]	2	0	0	
Tổng (I) + (II)		12	0	0	

Biểu mẫu 12
Thông kê tình hình cập nhật kết quả tiếp nhận và giải quyết
thủ tục hành chính trên phần mềm một cửa điện tử

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 36/BCLUBND ngày 27/02/2019 của UBND huyện Cù Lao Dung)



STT	Nội dung thống kê[1]	Số lượng			Ghi chú
		Tiếp nhận	Giải quyết đúng hạn	Giải quyết trễ hạn	
I	Cấp huyện	524	441	0	Ngày TK: 27/02/2019
II	Cấp xã	2258	2243	2	
1	UBND xã An Thạnh 1	42	41	0	Ngày TK: 27/02/2019
2	UBND xã An Thạnh 2	428	424	2	
3	UBND xã An Thạnh 3	699	697	0	
4	UBND xã An Thạnh Đông	31	31	0	
5	UBND xã An Thạnh Tây	76	71	0	
6	UBND xã An Thạnh Nam	470	467	0	
7	UBND xã Đại Ân 1	3	3	0	
8	UBND thị trấn Cù Lao Dung	509	509	0	

[1] Ghi rõ thời gian kiểm tra, thống kê trên hệ thống



Biểu mẫu 13B

**Thống kê số liệu về xây dựng, áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng
theo Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001:2015 tại UBND huyện**

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 36/BC-UBND ngày 27/02/2019 của UBND huyện Cù Lao Dung)

STT	Nội dung thống kê	Số liệu thống kê	Ghi chú
I	Xây dựng, áp dụng và công bố hệ thống		
1	Số đơn vị hành chính cấp xã đã công bố áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO	8	
2	Số đơn vị hành chính cấp xã thực hiện đúng quy định trong ISO	8	
II	Duy trì, cải tiến hệ thống		
1	Thực hiện công bố lại ISO	Có	- Có công bố tại Quyết định 2265/QĐ-UBND ngày 13/11/2018 của UBND huyện Cù Lao Dung
2	Thực hiện đánh giá nội bộ	Có	
3	Thực hiện xem xét của lãnh đạo đối với hệ thống quản lý chất lượng	Có	
4	Cập nhật các thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động xử lý công việc vào Hệ thống quản lý chất lượng	Có	
5	Nội dung khác	Có	



Biểu mẫu 14

Thông kê tình hình tiếp nhận và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 36/BC-UBND ngày 27/02/2019 của UBND huyện Cù Lao Dung)

Stt	Nội dung thống kê	Số lượng					Ghi chú[1]
		Tiếp nhận			Giải quyết đúng hạn theo quy định	Giải quyết trễ hạn	
		Tổng	Thuộc thẩm quyền	Không thuộc thẩm quyền giải quyết[2]			
I	UBND cấp huyện	1	1		1		
II	UBND cấp xã[3]	0	0	0	0	0	
1	UBND xã An Thạnh 1	0					
2	UBND xã An Thạnh 2	0					
3	UBND xã An Thạnh 3	0					
4	UBND xã An Thạnh Đông	0					
5	UBND xã An Thạnh Tây	0					
6	UBND xã An Thạnh Nam	0					
7	UBND xã Đại Ân 1	0					
8	UBND thị trấn Cù Lao Dung	0					
Tổng		1	1	0	1	0	0

[1] Nêu rõ lý do giải quyết kéo dài hoặc chưa giải quyết

[2] Đã chuyển đơn đến cơ quan có thẩm quyền bao nhiêu trường hợp

[3] Cấp huyện báo cáo cụ thể đối với từng xã, phường, thị trấn